

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST

Ngày 14-5-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng  
và hợp đồng thẻ tín dụng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Hằng

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Lê Thị Thu Thủy

2. Ông Lý Seo Vần

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST- KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST- KDTM ngày 17 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST- KDTM ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Số L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A

Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý

Người đại diện theo ủy quyền lại:

1. Bà Trần Thị T - Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ

2. Ông Trương Công Đ - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ

Cùng địa chỉ: Phòng xử lý nợ KHDN MB 02, tầng 7, số 78, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. (văn bản ủy quyền số 1589 ngày 13/5/2021)

Bà Thơm vắng mặt, ông Đức có mặt.

***2. Bị đơn:*** Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại T

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nông Thị K – Giám đốc

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nông Thị K  
Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.  
Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2020, các đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện lần 1, lần 2 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần V (ngân hàng V) trình bày:

Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại T (Công ty T) vay vốn tại ngân hàng V chi nhánh K 02 khoản như sau:

+ Vay số tiền 799.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 270618-4846473-01-SME và giải ngân theo khế ước nhận nợ cùng ngày 28/6/2018. Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 29/6/2018. Lãi suất vay trong hạn là 11,8%, điều chỉnh 01 lần/tháng, cộng biên độ 4,7%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phạt chậm trả lãi bằng 150% lãi trong hạn, không quá 10%/năm. Phân kỳ trả nợ gốc là 13.500.000 đồng/tháng, kỳ cuối trả 2.500.000 đồng, trả gốc và lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

+ Vay theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 26/7/2018, số tiền 79.000.000 đồng, thời hạn 05 năm, lãi suất 25%/năm.

Để bảo đảm các khoản vay trên Công ty T đã thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5 biển kiểm soát 24A-107.41, đăng ký xe đứng tên Công ty T, hợp đồng thế chấp số 270618-48464703-01-SME/TC ngày 28/6/2018. Ngoài ra bà Nông Thị K giám đốc công ty bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBank-TAK ngày 28/6/2018.

Quá trình thực hiện hai hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như sau:

+ Nợ hợp đồng tín dụng: Sau khi được giải ngân Công ty T đã trả được số tiền gốc: 94.593.465 đồng và đã trả tiền lãi: 55.370.701 đồng. Từ ngày 26/2/2019 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến ngày xét xử còn nợ lại các khoản sau:

Còn nợ tiền gốc: 704,406,535 đồng,

Nợ tiền lãi: 304.667.930 đồng (lãi trong hạn: 15.735.641 đồng, lãi quá hạn: 288.932.289 đồng)

Phạt chậm trả lãi: 68.447.726 đồng. (Tại phiên tòa hôm nay ngân hàng thương mại cổ phần V xin rút toàn bộ yêu cầu phạt chậm trả lãi).

+ Nợ thẻ tín dụng: Sau khi phát hành thẻ tín dụng, Công ty đã sử dụng chi tiêu: 529.902.785 đồng, đã trả: 366.902.785 đồng, Đến ngày xét xử 14/5/2021 còn nợ tiền gốc: 78,912,740 đồng nợ lãi: 83,930,472 đồng.

Ngân hàng V đã nhiều lần đôn đốc, ban hành các thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thông báo yêu cầu bàn giao tài sản, thông báo thu giữ tài sản

bảo đảm, tuy nhiên Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng V đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản khác phát sinh liên quan tới hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ tạm tính đến ngày xét xử như đã nêu trên. Trường hợp Công ty T không trả được nợ thì ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda số loại CX5; Biển kiểm soát 24A-107.41. Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thu hồi nợ hoặc không có điều kiện để xử lý tài sản thế chấp; Công ty T không còn khả năng trả nợ thì buộc bà Nông Thị K có nghĩa vụ trả thay toàn bộ khoản nợ của Công ty T tại ngân hàng V.

Đối với vụ án này, sau khi thụ lý vụ án, do bà Nông Thị K vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tổng đạt được văn bản tố tụng, xác minh sự vắng mặt của đương sự và thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Theo yêu cầu của Ngân hàng, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý vụ án và yêu cầu bà Nông Thị K đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bà Nông Thị K vẫn không có mặt. Theo xác minh tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lào Cai, hiện Công ty T đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại nơi cư trú, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 292, 293, 299, 323, 336, 339, 342 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V

Buộc Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 270618-4846473-01-SME ngày 28/6/2018 là: 704.406.535 đồng, tiền lãi là 304.667.930 đồng, tổng cộng là: 1.009.074.465 đồng.

Buộc Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 26/7/2018 là: 78.912.740 đồng, tiền lãi là 83.930.472 đồng, tổng cộng là: 162.843.212 đồng.

Tổng cộng số tiền phải thanh toán là: 1.171.917.677 đồng.

Đề nghị tuyên lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Công ty T không trả được nợ thì ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda số loại CX5; Biển kiểm soát: 24A-107.41. Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thu hồi nợ hoặc không có điều kiện để xử lý tài sản thế chấp, Công ty T không còn khả năng trả nợ thì buộc bà Nông Thị K có nghĩa vụ trả thay toàn bộ khoản nợ của Công ty T tại ngân hàng thương mại cổ phần V.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty T địa chỉ tại Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết vụ án kinh doanh thương mại là đúng quy định theo Điều 30, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nông Thị K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng số 270618-4846473-01-SME ngày 28/6/2018 giữa Ngân hàng V với Công ty T được giao kết hợp pháp, phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119 Bộ luật dân sự 2015. Công ty T đã được giải ngân số tiền 799.000.000 đồng, phân kỳ trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng mỗi tháng trả gốc là 13.500.000 đồng. Căn cứ các tài liệu chứng cứ về quá trình trả nợ của Công ty T, nhận thấy từ tháng 7/2018 đến nay Công ty T đã trả được số nợ gốc là: 94.593.465 đồng và đã trả lãi: 55.370.701 đồng. Từ tháng 02/2019 Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm Điều 4 của Hợp đồng tín dụng nên dư nợ của hợp đồng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/02/2019. Ngân hàng có quyền đòi nợ trước thời hạn là phù hợp với khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Mặc dù hiện nay Công ty T đã bị thu hồi giấy phép kinh doanh nhưng chưa giải thể nên vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V buộc Công ty T trả số nợ gốc là: 704.406.535 đồng.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi của hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần V đã cung cấp cho Tòa án bảng kê tính tiền lãi kể từ thời điểm quá hạn cho đến ngày xét xử gồm: Nợ lãi trong hạn: 15.735.641 đồng, lãi quá hạn: 288.932.289 đồng, tổng nợ lãi: 304.667.930 đồng. Xét thấy bảng kê tính lãi của Ngân hàng thương mại cổ phần V phù hợp với các thỏa thuận trong hợp đồng nên cần chấp nhận. Ngoài ra tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng thương mại cổ phần V xin rút toàn bộ yêu cầu phạt chậm trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy số tiền Công ty T phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần V đến thời điểm xét xử là: Nợ gốc là 704.406.535 đồng, tiền lãi là 304.667.930 đồng, tổng cộng là: 1.009.074.465 đồng.

[3]. Đối với số tiền Công ty T còn nợ trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm. Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thì sau khi được cấp thẻ tín dụng hạn mức 79.000.000 đồng, tính đến ngày xét xử Công ty T đã sử dụng chi tiêu: 529.902.785 đồng, đã trả: 366.902.785 đồng, Đến ngày xét xử còn nợ lại: 162.843.212 đồng, trong đó: Nợ gốc 78.912.740 đồng, nợ lãi 83.930.472 đồng. Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của ngân hàng V, Ngân hàng V có quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ và yêu cầu chủ thẻ thanh toán toàn bộ dư nợ phát sinh. Ngân hàng V đã cung cấp bảng kê tiền dư nợ gốc và lãi của thẻ tín dụng, xét thấy bảng kê của ngân hàng phù hợp với các quy định về việc sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã thỏa thuận, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V, buộc Công ty T phải thanh toán số dư nợ của thẻ tín dụng còn lại là: Nợ gốc 78.912.740 đồng, nợ lãi 83.930.472 đồng, tổng cộng là: 162.843.212 đồng.

[5]. Về tài sản thế chấp, theo hợp đồng thế chấp ngày 28/6/2018 thì Công ty T thế chấp 01 xe ô tô Mazda CX5 biển kiểm soát 24A-107.41 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mặc dù việc ký kết thỏa thuận phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế là không có tài sản bảo đảm, tuy nhiên tại Điều 2 của hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các thỏa thuận tín dụng ký giữa bên Ngân hàng và Bên thế chấp trong suốt khoảng thời gian từ ngày 28/6/2018 đến 28/6/2021. Ngoài ra theo điều kiện giao dịch chung về phát hành thẻ tín dụng thì Ngân hàng được phép thu nợ từ tài sản bảo đảm của khách hàng. Do đó căn cứ các Điều 292, 293, 299, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng và nghĩa vụ sử dụng thẻ tín dụng là có căn cứ cần chấp nhận.

[6]. Về nghĩa vụ bảo lãnh, theo hợp đồng bảo lãnh ký ngày 28/6/2018 giữa bà Nông Thị K với Ngân hàng V, bà K đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình trong việc thực hiện nghĩa vụ của Công ty T. Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo các văn kiện tín dụng ký kết với Ngân hàng thì bà Nông Thị K có nghĩa vụ thay Công ty T thực hiện toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng. Nay Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà Nông Thị K phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình theo thỏa thuận. Do đó căn cứ Điều 336, 339, 342 Bộ luật dân sự 2015, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V, buộc bà Nông Thị K có nghĩa vụ trả thay toàn bộ khoản nợ của Công ty T tại ngân hàng V trong trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thu hồi nợ hoặc

không có điều kiện để xử lý tài sản thế chấp; Công ty T không còn khả năng trả nợ.

[7]. Về án phí: Công ty T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 292, 293, 299, 323, 336, 339, 342 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 270618-4846473-01-SME ngày 28/6/2018 là: 704.406.535 đồng (bảy trăm linh bốn triệu, bốn trăm linh sáu ngàn, năm trăm ba mươi lăm đồng chẵn), tiền lãi là 304.667.930 đồng (ba trăm linh bốn triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, chín trăm ba mươi đồng chẵn), tổng cộng là: 1.009.074.465 đồng (một tỷ, không trăm linh chín triệu, không trăm bảy mươi bốn ngàn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng chẵn) .

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 26/7/2018 là: 78.912.740 đồng (bảy mươi tám triệu, chín trăm mười hai ngàn, bảy trăm bốn mươi đồng chẵn), tiền lãi là 83.930.472 đồng (tám mươi ba triệu, chín trăm ba mươi ngàn, bốn trăm bảy mươi hai đồng chẵn), tổng cộng là: 162.843.212 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ba ngàn, hai trăm mười hai đồng).

Tổng cộng phải trả là: 1.171.917.677 đồng (một tỷ, một trăm bảy mươi mốt triệu, chín trăm mười bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng chẵn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 27068-4846473-01-SME/TC ngày 28/6/2018. Tài sản được quyền xử lý là 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA số loại CX5, số khung 5326JC089004, số máy PY21126025, biển số 24A-107.41, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024765 cấp ngày 26/6/2018 đứng tên Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại T.

Trong trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thu hồi nợ hoặc không có điều kiện xử lý tài sản thế chấp, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại T không còn khả năng trả nợ, buộc bà Nông Thị K phải có nghĩa vụ trả thay toàn bộ khoản nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại T tại Ngân hàng thương mại cổ phần V theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-TAK ngày 28/6/2018.

Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại T phải chịu 47.157.500 đồng (bốn mươi bảy triệu, một trăm năm mươi bảy ngàn, năm trăm đồng chẵn) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.668.076 đồng (hai mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi tám ngàn, không trăm bảy mươi sáu đồng chẵn) theo biên lai số 0002593 ngày 13/10/2020 và số 0002680 ngày 14/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (2);
- Đương sự (03);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Phạm Thị Thu Hằng**

